

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU

PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU

HỒ SƠ NĂNG LỰC

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD HUY.004



MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	1
THÔNG TIN CHUNG.....	2
GIẤY CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ HỆ THỐNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	14
CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY.....	20
NĂNG LỰC CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU VÀ PHÒNG LAS- XD HUY.004	21
5.1 Nhân lực phòng thí nghiệm.....	21
5.2 Bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn	24
5.3 Danh sách thiết bị và chứng chỉ thi	34

GIỚI THIỆU

Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng công trình mã số HUY.004 thuộc Công ty cổ phần Kỹ thuật Tiên Châu có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001290952 ngày 20/02/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình (cũ) cấp. Phòng thực hiện các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tư vấn khảo sát địa chất
- Thi công xây dựng
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng;
- Nghiên cứu các quy trình, công nghệ vật liệu mới, kết cấu mới ứng dụng trong các công trình xây dựng;
- Bê tông, bê tông nặng, xi măng, vữa, gạch xây, thép, kim loại và mối hàn, và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Thí nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật đất hiện trường, nền đất đắp, nền đê, nền đường, mặt đường;
- Thí nghiệm các chỉ tiêu đất trong phòng;
- Kiểm định đánh giá chất lượng công trình và cấp chứng nhận sự phù hợp của công trình;

Với đội ngũ Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư chuyên ngành, Cán bộ kỹ thuật, Kỹ thuật viên, Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn cao, dày kinh nghiệm với thái độ làm việc tâm huyết, trung thực trong công tác cùng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO/IEC 17205:2017, Công ty sẽ mang đến cho Quý khách hàng giá trị đích thực của chất lượng.

Trân trọng kính chào!

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIÊN CHÂU

2. **Địa chỉ:** Nhà ông Dương thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên.

3. **Mã số thuế:** 1001290952

4. **Tài khoản:** 7323268888 ngân hàng MB Bank CN – Thái Bình

5. **Phòng thí nghiệm LAS – XD HUY.004:**

- Trưởng phòng thí nghiệm: Mr.Đào Trung Dũng
- Liên hệ thí nghiệm: Mr.Bùi Ngọc Anh

6. Liên hệ

Điện thoại: 0904391910

Email: lasxdhuy004@gmail.com

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

I. TƯ VẤN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

- Tư vấn khảo sát địa chất
- Tư vấn khảo sát thủy văn

II. THI CÔNG XÂY DỰNG

- Thi công cọc khoan nhồi
- Thi công cầu
- Thi công hệ thống thoát nước
- Xây dựng hạ tầng

III. THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình giao thông

- Thí nghiệm kiểm tra vật liệu công trình

HỒ SƠ PHÁP LÝ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 52/GCN-SXD cấp ngày 19/11/2025, chứng nhận các phép thử của phòng thí nghiệm LAS-XD HUY.004
- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17205:2017

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 1001290952
Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 02 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, Xã An Ninh, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình,
Việt Nam

Điện thoại: 0904.391.910 - 0967.496.434

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: BÙI NGỌC ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034083005609

Ngày cấp: 02/10/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Lô 28 đường số 8 khu đô thị 379, Phường Quang Trung, Thành
phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Lô 28 đường số 8 khu đô thị 379, Phường Quang Trung, Thành phố
Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam



UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/GCN-SXD

Hung Yên, ngày 19 tháng 11 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần kỹ thuật Tiên Châu; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 14/11/2025;

CHỨNG NHẬN

1. Công ty Cổ phần kỹ thuật Tiên Châu.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001290952 ngày 20/02/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình (cũ) cấp.

Địa chỉ: Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD HUY.004.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Giám đốc sở (báo cáo);
- Đ/c Hùng-PGD sở; đ/c Đức-PGD sở;
- Trung tâm PVHCC;
- Công ty Cổ phần kỹ thuật Tiên Châu;
- Văn phòng sở; Website sở;
- Lưu: VT; Ph.QLCL^p.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Mạnh Hùng

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2	Xác định cường độ uốn và cường độ nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	Thử nghiệm cốt liệu bê tông	
4	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
7	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
9	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
11	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
12	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
13	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
14	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
16	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
17	Xác định hàm lượng	TCVN 7572-19:2006
18	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
19	Xác định độ góc cạnh của cát - Bê tông nhựa	TCVN 8860-7:2011

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
20	Xác định tính chất cơ lý của cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
III	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
21	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
22	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:1993
23	Xác định độ tách vữa và độ tách nước của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
24	Phân tích thành phần bê tông nặng	TCVN 3110:1993
25	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022
26	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
27	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
28	Xác định cường độ chịu nén của bê tông	TCVN 3118:2022
29	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022
30	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
31	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi	TCVN 5726:2022
IV	Thử nghiệm vữa xây dựng	
32	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1:2022
33	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
34	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
35	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8:2022
36	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
37	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
38	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
39	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
40	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, độ lưu động, thời gian bắt đầu đông kết, cường độ nén, khả năng hệ số hút nước do mao dẫn của vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 9028:2011
41	Xác định thời gian mở, độ trượt, cường độ bám dính khi cắt, cường độ bám dính khi kéo, biến dạng ngang của vữa, keo dán gạch	TCVN 7899-2:2008
V	Kiểm tra thép, kim loại, mối hàn	
42	Đo các đặc trưng hình học	TCVN 7937:2013
43	Thử kéo - Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014
44	Thử uốn	TCVN 198:2008
45	Thử phá hủy mối hàn - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
46	Bu lông, vít và đai ốc: Thử kéo, kiểm tra khuyết tật bề mặt.	TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989
47	Thử nghiệm cơ lý nhôm: Xác định độ bền kéo; độ giãn dài tương đối; độ cứng; dạng profin và dung sai kích thước.	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513:2018
VI	Thử nghiệm cơ lý gạch	
48	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
49	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
50	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
51	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
52	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
53	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
54	Gạch bê tông tự chèn: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; độ rỗng; cường độ chịu nén; độ mài mòn; độ hút nước	TCVN 6476:1999
55	Gạch bê tông: kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ rỗng; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
56	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước, khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
57	Ngói: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước	TCVN 4313:1995
VII	Thí nghiệm gạch, đá ốp lát	
58	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
59	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
60	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
61	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
62	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
63	Đá ốp lát tự nhiên, nhân tạo: Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ mài mòn	TCVN 4732:2016
64	Đá ốp lát tự nhiên, nhân tạo: Xác định độ hút nước, độ bền uốn, độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 8057:2009
XIII	Thử nghiệm phụ gia	
65	Xác định độ mịn, khối lượng riêng, chỉ số hoạt tính, xác định hàm lượng SO ₃	TCVN 8827:2011; TCVN 8825:2011
XIX	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
66	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
67	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
68	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
69	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
70	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
71	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
72	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
73	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
74	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:2011; TCVN 12792:2020
75	Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012
76	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
77	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012
X	Thử nghiệm tại hiện trường	
78	Đo dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất bằng PP dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 12791:2020; 22 TCN 02:1971
79	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP phễu rót cát	22 TCN 346:06; TCVN 8729:2012
80	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3,0 mét - Mặt đường ô tô	TCVN 8864:2011
81	Xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
82	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng - Áo đường mềm	TCVN 8861:2011
83	Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman - Áo đường mềm	TCVN 8867:2011
84	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - thử nghiệm - Mặt đường ô tô	TCVN 8866:2011
85	Thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cầu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn	TCVN 9347:2012
86	Đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011
XI	Bê tông nhựa	
87	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
88	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay	TCVN 8860-2:2011

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	li tâm	
89	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
90	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
91	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
92	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
93	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
94	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
95	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
96	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
97	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
98	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011
99	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn anh	TCVN 8862:2011
XII	Nhựa bitum	
100	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
101	Phương pháp xác định độ dẫn dài	TCVN 7496:2005
102	Phương pháp xác định điểm hóa mềm	TCVN 7497:2005
103	Xác định nhiệt độ bắt lửa, điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
104	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
105	Phương pháp xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
106	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
XIII	Nhựa đường lỏng	
107	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
XIV	Thử nghiệm nhũ tương nhựa đường axit	
108	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
109	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
110	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
XV	Bột khoáng cho bê tông nhựa	


STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
111	Xác định tỷ lệ thành phần hạt; độ ẩm; hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
XVI	Vải địa kỹ thuật, bắc thảm	
112	Xác định lực kéo giặt và độ giãn kéo giặt	TCVN 8871-1:2011; TCVN 8485:2010
113	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011
114	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011
115	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011
116	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011
117	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8487:2010
118	Xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012
119	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
120	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009
XVII	Thử nghiệm dây điện	
121	Xác định: Đường kính ruột dẫn, đường kính sợi đồng, nhôm lõi dây điện, chiều dày lớp cách điện	TCVN 6610-1:2014
XVIII	Thử nghiệm ống nhựa PVC, U-PVC, HDPE, phụ kiện ống nhựa	
122	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007
123	Xác định độ bền áp suất bên trong	TCVN 6149:2009
124	Xác định độ bền kéo	TCVN 7434-1:2004
125	Xác định nhiệt độ hóa mềm	TCVN 6147:2003
126	Thí nghiệm ống nhựa gân xoắn HDPE: Xác định kích thước và sai lệch, độ bền của ống trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học và áp lực nén ngoài của ống, áp lực trong của ống	TCVN 9070:2012
XIX	Thử nghiệm dung trọng Bentonite	
127	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng mất nước, độ ẩm	TCVN 11893:2017;

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
XX	Phân tích hóa nước cho xây dựng	
128	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012
129	Xác định vẩn dầu mỡ và màu nước được tiến hành bằng quan sát mắt thường	TCVN 4506:2012
		TCVN 2671:1987
130	Độ pH	TCVN 6492:2011;
131	Xác định hàm lượng muối hòa tan, cặn không tan	TCVN 4560:2012;
132	Hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:2096;
133	Hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996;

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

GIẤY CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ HỆ THỐNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TCVN ISO/IEC 17025:2017



BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH

Số: 0909/LAS-XD/2025^{Initial}

Căn cứ vào Quyết định số 0909/QĐ-MTMC/LAS-XD/2025, ngày 09 tháng 09 năm 2025, về việc cấp bản xác nhận hoàn thành cập nhật tài liệu Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS - XD) theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ MIỀN TRUNG

xác nhận:

Đã hoàn thành đào tạo, xây dựng tài liệu Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD) theo các yêu cầu tiêu chuẩn

TCVN ISO/IEC 17025:2017

cho

PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

thuộc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU

Địa chỉ: Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Bản xác nhận này được sử dụng như một bằng chứng để chứng minh Phòng Thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình (LAS - XD) đã thiết lập Hệ thống quản lý theo các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.

Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung cung cấp dịch vụ kiểm tra, hỗ trợ duy trì tính hiệu lực cho Hệ thống quản lý của Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình (LAS-XD) và cấp xác nhận cập nhật tương ứng hàng năm (nếu có).

Thành phố Huế, ngày 09 tháng 09 năm 2025

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ MIỀN TRUNG

NGUYỄN PHÚC NGUYỄN

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
TU VẤN QUẢN LÝ
MIỀN TRUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ MIỀN TRUNG
Số 9 Hồ Xuân Hương, phường Phú Xuân, thành phố Huế, Việt Nam. Điện thoại: 0908 196319
Website: tuvanmienTrung.com – Email: tuvanquanlymienTrung@gmail.com



CHỨNG NHẬN CERTIFICATE OF TRAINING



Chứng nhận

This is to certify that

Ông (Mr): **ĐỖ PHÚC CAO**

Ngày sinh (Date of birth): **21/02/1976**

Nơi sinh (Place of birth): **xã Thụ Trì, tỉnh Hưng Yên**

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU - TIEN CHAU TECHNICAL JOINT STOCK COMPANY**

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo Ban đầu

Has participated and successfully completed the training course Initial

**NHẬN THỨC CHUNG & ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO/IEC 17025:2017**

**AWARENESS & INTERNAL AUDIT OF LABORATORY MANAGEMENT SYSTEMS
ACCORDING TO VIETNAM ISO/IEC 17025:2017 STANDARDS**

Từ ngày (From date): **06/09/2025**

Đến ngày (To date): **07/09/2025**

Hình thức đào tạo (Type of training): **Trực tuyến (Online)**

Chứng chỉ số (Certificate No.): **MTMC/TIEN CHAU/AIA.17025.02**

Ngày cấp (Issued date): **09/09/2025**

*Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung cung cấp dịch vụ đào tạo cập nhật kiến thức
và cấp lại chứng nhận hàng năm (nếu có).*

Đại diện Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung

(On behalf of MTMC Co., Ltd)
GIÁM ĐỐC (Director)



NGUYỄN PHÚC NGUYỄN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ MIỀN TRUNG

Số 9 Hồ Xuân Hương, phường Phú Xuân, thành phố Huế, Việt Nam. Điện thoại: (0234) 3537786
Website: tuvanquanlymienTrung.com – Email: tuvanquanlymienTrung@gmail.com



CHỨNG NHẬN CERTIFICATE OF TRAINING



Chứng nhận

This is to certify that

Ông (Mr): **ĐỖ DUY HIẾU**

Ngày sinh (Date of birth): 22/02/1985

Nơi sinh (Place of birth): xã Tây Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU - TIEN CHAU TECHNICAL JOINT STOCK COMPANY

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo Ban đầu

Has participated and successfully completed the training course Initial

**NHẬN THỨC CHUNG & ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO/IEC 17025:2017**

**AWARENESS & INTERNAL AUDIT OF LABORATORY MANAGEMENT SYSTEMS
ACCORDING TO VIETNAM ISO/IEC 17025:2017 STANDARDS**

Từ ngày (From date): 06/09/2025

Đến ngày (To date): 07/09/2025

Hình thức đào tạo (Type of training): Trực tuyến (Online)

Chứng chỉ số (Certificate No.): MTMC/TIEN CHAU/AIA.17025.01

Ngày cấp (Issued date): 09/09/2025

*Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung cung cấp dịch vụ đào tạo cập nhật kiến thức
và cấp lại chứng nhận hàng năm (nếu có).*

Đại diện Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung

(On behalf of MTMC Co., Ltd)

GIÁM ĐỐC (Director)



NGUYỄN PHÚC NGUYỄN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ MIỀN TRUNG

Số 9 Hồ Xuân Hương, phường Phú Xuân, thành phố Huế, Việt Nam. Điện thoại: (0234) 3537786
Website: tuvanmienTrung.com – Email: tuvanquanlymienTrung@gmail.com



CHỨNG NHẬN CERTIFICATE OF TRAINING



Chứng nhận

This is to certificate that

Ông (Mr): **ĐÀO TRỌNG DŨNG**

Ngày sinh (Date of birth): 02/01/1976

Nơi sinh (Place of birth): xã Thụ Trì, tỉnh Hưng Yên

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU - TIEN CHAU TECHNICAL JOINT STOCK COMPANY

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo Ban đầu

Has participated and successfully completed the training course Initial

**NHẬN THỨC CHUNG & ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO/IEC 17025:2017**

**AWARENESS & INTERNAL AUDIT OF LABORATORY MANAGEMENT SYSTEMS
ACCORDING TO VIETNAM ISO/IEC 17025:2017 STANDARDS**

Từ ngày (From date): 06/09/2025

Đến ngày (To date): 07/09/2025

Hình thức đào tạo (Type of training): Trực tuyến (Online)

Chứng chỉ số (Certificate No.): MTMC/TIEN CHAU/AIA.17025.03

Ngày cấp (Issued date): 09/09/2025

*Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung cung cấp dịch vụ đào tạo cập nhật kiến thức
và cấp lại chứng nhận hàng năm (nếu có).*

Đại diện Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung



NGUYỄN PHÚC NGUYỄN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ MIỀN TRUNG

Số 9 Hồ Xuân Hương, phường Phú Xuân, thành phố Huế, Việt Nam. Điện thoại: (0234) 3537786
Website: tuvanmienTrung.com - Email: tuvanquanlymienTrung@gmail.com

Số: 0909/QĐ-MTMC/LAS-XD/2025

Thành phố Huế, ngày 09 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Cấp giấy xác nhận hoàn thành tư vấn tài liệu hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 tại Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình (LAS-XD) thuộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Tiên Châu

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ MIỀN TRUNG

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3301172470 cấp lần thứ 4, ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Huế về công nhận các lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung;
- Căn cứ Quyết định về ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung được Hội đồng thành viên thông qua;
- Căn cứ vào Quyết định ban hành tài liệu Hệ thống quản lý tại Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình (LAS-XD) của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Tiên Châu;
- Xét đề nghị của Ban kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình tư vấn tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 tới Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình (LAS-XD) thuộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Tiên Châu.

Địa chỉ: Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Lĩnh vực: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Điều 2: Hệ thống tài liệu quản lý của Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình (LAS-XD) đã được tư vấn xây dựng hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 và được Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung cấp bản xác nhận hoàn thành số 0909/LAS-XD/2025 dựa trên Quyết định ban hành, áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý của Phòng thí nghiệm.

Điều 3: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình (LAS-XD) nên duy trì việc hỗ trợ giám sát, tư vấn định kỳ hàng năm (12 tháng/ 1 lần) do Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung thực hiện để nhằm nâng cao hơn nữa tính hiệu lực và hiệu quả áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng. Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung sẽ cấp Giấy xác nhận hoàn thành tương ứng sau khi đã hoàn thành việc hỗ trợ duy trì và cập nhật hàng năm đối với hệ thống.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Khách hàng
- Lưu VP



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHÚC NGUYỄN

Số: 0909/QĐ-MTMC/2025

Thành phố Huế, ngày 09 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Cấp giấy chứng nhận đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo trực tuyến: Nhận thức chung và đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo các yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ MIỀN TRUNG

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3301172470 cấp lần thứ 4, ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Huế về công nhận các lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung;
- Căn cứ Quyết định về ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung được Hội đồng thành viên thông qua;
- Căn cứ kết quả khóa đào tạo trực tuyến về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017, được tổ chức trực tuyến từ ngày 06/09/2025 đến 07/09/2025 (trên nền tảng Zoom Cloud Meetings và Microsoft Teams).

QUYẾT ĐỊNH


Điều 1: Cấp giấy chứng nhận đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo trực tuyến về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 cho các học viên sau thuộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Tiên Châu:

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ CHỨNG NHẬN
1	Đỗ Duy Hiếu	22/02/1985	MTMC/TIEN CHAU/AIA.17025.01
2	Đỗ Phúc Cao	21/02/1976	MTMC/TIEN CHAU/AIA.17025.02
3	Đào Trọng Dũng	02/01/1976	MTMC/TIEN CHAU/AIA.17025.03

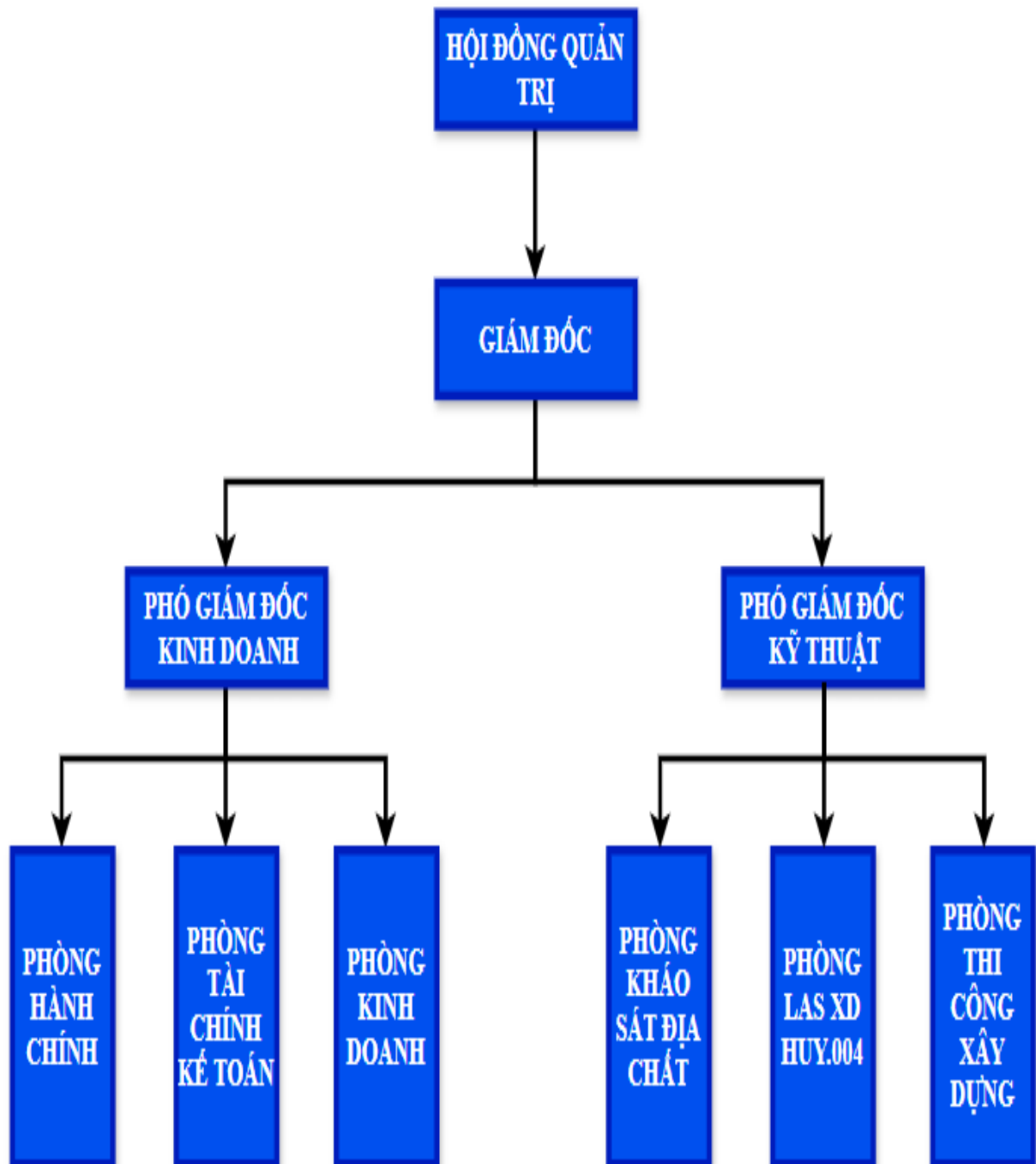
Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng Đào tạo, Hành chính, Kế toán và các học viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Học viên
- Lưu Công ty


NGUYỄN PHÚC NGUYỄN

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



NĂNG LỰC CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIỀN CHÂU VÀ PHÒNG LAS-XD HUY.004

5.1 Nhân lực phòng thí nghiệm


STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Thâm niên	Các loại chứng chỉ	Chức vụ
1	Đào Trọng Dũng	Kỹ sư xây dựng	29 năm	<p>Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật và vật liệu xây dựng</p> <p>Chứng chỉ đào tạo lớp quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017</p> <p>Bằng nghề: Thí nghiệm vật liệu đường bộ</p> <p>Thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ - lý bê tông; Ref.No: 279.1/2004/VKH-TNXD</p> <p>Chứng nhận: Nhận thức chung & đánh giá nội bộ hệ thống nội bộ quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017</p>	Trưởng phòng
2	Đỗ Hữu Bằng	Kỹ sư xây dựng	11 năm	<p>Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật và vật liệu xây dựng</p> <p>Chứng chỉ: Quản lý phòng thí nghiệm xây dựng</p> <p>Chứng chỉ: Vật liệu công trình</p>	Thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Thâm niên	Các loại chứng chỉ	Chức vụ
				giao thông	
3	Đỗ Xuân Bình	Kỹ sư xây dựng	19 năm	Kỹ sư xây dựng Chứng chỉ: Bồi dưỡng chỉ huy trưởng công trình	Chỉ huy công trường
4	Phạm Bá Cường	Kỹ sư	12 năm	Kỹ sư kỹ thuật công trình giao thông	Chỉ huy công trường
5	Vũ Hồng Phong	Kỹ sư	3 năm	Kỹ sư kỹ thuật trắc địa bản đồ	Địa chất công trường
6	Trần Ngọc Hưng	Kỹ sư	19 năm	Kỹ sư địa chất công trình ThS, Kỹ sư địa chất công trình, địa Kỹ thuật	Khảo sát địa chất
7	Đỗ Duy Hiếu	Thí nghiệm viên	20 năm	Bằng nghề: TNV kiểm tra chất lượng đường ô tô Chứng chỉ: Thí nghiệm bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Thí nghiệm viên
8	Đỗ Chí Trung	Thí nghiệm viên	19 năm	Bằng nghề: TNV kiểm tra chất lượng đường ô tô Chứng chỉ: Thí nghiệm kiểm định sơn, thạch cao, ván gỗ và	Thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Thâm niên	Các loại chứng chỉ	Chức vụ
				vải địa kỹ thuật	
9	Đỗ Phúc Cao	Thí nghiệm viên	2 năm	Chứng chỉ: Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	Thí nghiệm viên
10	Nguyễn Thị Liễu	Thí nghiệm viên	14 năm	Chứng chỉ: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên
11	Nguyễn Vũ Hùng	ThS, Kỹ sư	> 1 năm	Chỉ huy thi công phòng cháy và chữa cháy	PCCC

5.2 Bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM THE RECTOR OF NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING has conferred THE DEGREE OF ENGINEER Construction Materials Engineering Technology	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG cấp BẰNG KỸ SƯ Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu xây dựng
Upon: <i>Ông</i> ĐÀO TRỌNG DŨNG Date of birth: 02 January 1976 Year of graduation: 2014 Degree classification: Average good Mode of study: Part-time Hanoi, 30 September 2014	Cho: <i>Ông</i> ĐÀO TRỌNG DŨNG Ngày sinh: 02/01/1976 Năm tốt nghiệp: 2014 Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học Hà Nội ngày 30 tháng 09 năm 2014
Reg. No: 693/QĐ-DTTX 30-09-2014	Số hiệu: 140398 Số vào sổ cấp bằng: 693/QĐ-DTTX 30-09-2014 HIỆU TRƯỞNG TS. Lê Văn Thành

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TÔNG CỤC DẠY NGHỀ BẰNG NGHỀ Số hiệu: 000060926 /LBTBXH-DN  Chữ ký của người được cấp bằng Số vào sổ: 1273 Ngày 26 tháng 5 năm 1996	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc HIỆU TRƯỞNG Trường: <i>Kỹ thuật và nghiệp vụ giao thông vận tải 1</i> Cấp cho: <i>Đào Trọng Dũng</i> Sinh ngày: <i>02.01.1976</i> Nguyên quán: <i>Đức Thu, Hải Bình</i> Nghề đào tạo: <i>Chỉ nghiệm vật liệu đường bộ</i> Từ ngày: <i>10/1994</i> đến ngày: <i>15/1996</i> Đạt trình độ thợ bậc Tốt nghiệp hạng: <i>Khá</i> Theo quyết định số: <i>051/OT</i> Ngày 26 tháng 5 năm 1996 ngày 26 tháng 5 năm 1996 HIỆU TRƯỞNG Đào Văn Dương
---	---

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PRESIDENT
VIỆT NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG


has conferred
CERTIFICATE

cấp
CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

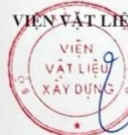
Upon: **DAO TRONG DUNG**
Date of birth: 02/01/1976
Completed training program:
**QUALITY MANAGEMENT IN THE LABORATORY
ACCORDING TO ISO/IEC 17025:2017**
Course duration: from 08/03/2025 to 09/03/2025
Certificate is valid for 05 (five) years from date of issue

Cho: **ĐÀO TRỌNG DŨNG**
Ngày sinh: 02/01/1976
Đã hoàn thành chương trình đào tạo:
**LỚP QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM THEO
TIÊU CHUẨN ISO/IEC 17025:2017**
Thời gian học: từ 08/03/2025 đến 09/03/2025
Chứng chỉ có giá trị 05 (năm) năm kể từ ngày cấp

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2025



Reg. No. 81/60.65.2025.VXD



VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Quang Hiệp

Số hiệu: 81/60.65.2025.VXD
Số vào sổ cấp chứng chỉ: 81.2025

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Building Materials Engineering Technology

Upon: **Ms. DO HUU BANG**
Date of birth: 04 May 1986
Year of graduation: 2014
Degree classification: Ordinary
Mode of study: Full - time

Hanoi, 29 July 2014

Reg. No: 798/QĐ-ĐT
29-7-2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu xây dựng

Cho: **Ông ĐỖ HỮU BẰNG**
Ngày sinh: 04/5/1986
Năm tốt nghiệp: 2014
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình
Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2014.





Số hiệu: **253211**
Số vào sổ cấp bằng: 798/QĐ-ĐT
29-7-2014



HIỆU TRƯỞNG
TS. Lê Văn Thành

<p>VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY</p>  <p>It is hereby certified that: Mr. DO HUU BANG</p> <p>Has successfully passed the Training Course on Management of Construction Laboratory</p> <p>Ref. N^o: 13307/2016/VKH -THXD</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG</p> <p>Chứng nhận: Ông ĐỖ HỮU BẰNG Ngày sinh: 04/5/1986 - Quê quán: Thái Bình Cơ quan: Công ty cổ phần xây dựng Lũng Lô 4 Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng: Quản lý Phòng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Thuộc Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam") Thời gian tổ chức: Từ ngày 23/8/2016 đến ngày 27/8/2016 Tại: Hà Nội</p> <p>Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2016</p>  <p>TS. Trịnh Việt Cường</p>
--	---

<p>VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY</p>  <p>It is hereby certified that: Mr. DO HUU BANG</p> <p>Has successfully passed the Training Course on Material Testing for Transportation Projects</p> <p>Ref. N^o: 13158 /2016/VKH - TNXD</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG</p> <p>Chứng nhận: Ông ĐỖ HỮU BẰNG Ngày sinh: 04/05/1986 - Quê quán: Thái Bình Cơ quan: Công ty CP xây dựng Lũng Lô 4 Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: Vật liệu công trình giao thông Thời gian tổ chức: Từ ngày 23/6/2016 đến ngày 06/7/2016 Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2016</p>  <p>TS. Trịnh Việt Cường</p>
---	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường **ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI** cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUI**
ngành ... **Xây dựng Dân dụng Công nghiệp**
hạng **Khá** năm tốt nghiệp .. 2006 ..
và công nhận danh hiệu

..... **Kỹ sư Xây dựng**

cho **Đỗ Xuân Bình**

sinh ngày ... **14-05-1983** ... tại **Thái Bình**

..... **Hà Nội** ... ngày **22** tháng **08** năm **2006**

Hiệu trưởng **Trần Trọng Hành**

Khoa trưởng **HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS.KTS **Trần Trọng Hành**

Số hiệu bằng **C 725094**

Số vào sổ **24713**

Chữ ký của người được cấp bằng




MINISTRY OF CONSTRUCTION
ACADEMY OF MANAGERS
FOR CONSTRUCTION AND CITIES
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness
BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CERTIFICATE

CHỨNG CHỈ

This is to certify that Mr/Mrs: **Đỗ Xuân Bình**

Date of birth: **14-05-1983**

Place of birth: **Thái Bình**

Has successfully completed a training course on

Site Agents
Mode of Study: **Full-time**

From: **28-04-2010** To: **17-05-2010**

Cấp cho Ông (bà): **Đỗ Xuân Bình**

Sinh ngày: **14-05-1983**

Nơi sinh: **Thái Bình**

Đã học xong chương trình: **Bồi dưỡng**

Hệ: **Chỉ huy trưởng công trường xây dựng**

Từ ngày **28-04-2010** đến ngày: **17-05-2010**

Tập trung

Hà Nội, ngày **17** tháng **05** năm **2010**

Giám đốc




HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

Vào sổ ĐK số: **165-2010**

Ths. Phạm Xuân Diệu

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
RECTOR
UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred
THE DEGREE OF ENGINEER
Transport Construction Engineering

Upon: *Mr. Phạm Bá Cường*
Date of birth: *5 April 1991 In: Thái Bình*
Year of graduation: *2013*
Degree classification: *Ordinary*
Mode of study: *Full-time*

Hanoi, 30 December 2013

Reg. No: 1284/K50


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp
BẰNG KỸ SƯ
Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Cho: *Ông Phạm Bá Cường*
Ngày sinh: *05/04/1991 Tại: Thái Bình*
Năm tốt nghiệp: *2013*
Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình*
Hình thức đào tạo: *Chính quy*

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2013

CHIEU TRƯỞNG


Số hiệu: **179371**
Số vào sổ cấp bằng: 1284/K50

PGS.TS. *Trần Lảo Sĩ*

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Vũ Hồng Phong**
 Ngày tháng năm sinh: **21/06/1983**
 Số CMTND (hoặc hộ chiếu) **036083004064** cấp ngày **25/08/2016** Tại **Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Cơ sở đào tạo: **Trường Đại Học Mô-Địa Chất**
 Hệ đào tạo: **Vừa Làm Vừa Học**
 Trình độ chuyên môn: **Kỹ Sư Kỹ Thuật Trắc Địa-Bản Đồ**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng

TT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa hình	II	Từ 01/04/2022 đến 01/04/2027

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2022
T/M HIỆP HỘI CÁC NHÀ THẦU XÂY DỰNG VIỆT NAM CHỦ TỊCH


BAN CHẤP HÀNH
 NGUYỄN QUỐC HIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Mở - Địa chất
.....
cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành *Địa chất công trình - ĐKT*
hạng *TB. Khá* năm tốt nghiệp *2006*
và công nhận danh hiệu

..... *Hệ sư*

cho *Trần Ngọc Hưng*

sinh ngày *15/07/1983* tại *Nam Định*

..... *Hà Nội* ngày *15* tháng *09* năm *2006*

Hiệu trưởng **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA CHẤT** *[Signature]*

Khoa trưởng *TS. Trần Đình Kiên*

Số hiệu bằng
C 812342

Số vào sổ
46-0128

Chữ ký của người được cấp bằng
[Signature]

THÔNG TIN CÁ NHÂN




 Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Trần Ngọc Hưng**
 Ngày tháng năm sinh: **15/07/1983**
 Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **036083006055**
 Cấp ngày: **10/07/2021** tại **Cục cảnh sát**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Cơ sở đào tạo: **Đại học mở - địa chất**
 Hệ đào tạo: **Chính quy**
 Trình độ chuyên môn: **ThS, Kỹ sư địa chất công trình,
địa kỹ thuật**



Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	I	từ 05/05/2023 đến 05/05/2028

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2023


TS. Hoàng Quang Nhu

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION

Ref. N°: 2023/BT1-061/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CHỨNG NHẬN

Ông **ĐỖ DUY HIỆU**
Ngày sinh: 22/02/1985
Quê quán: Thái Bình
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm bê tông bằng phương pháp không phá hủy

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Từ 27/08/2023 đến 06/09/2023
Kết quả học tập: Đạt loại giỏi

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2023




VIỆN TRƯỞNG
TS. Phùng Vũ Việt Anh

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: 000583658 /LĐTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 2244
Ngày 10 tháng 06 năm 2005

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường: CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Cấp cho: **Đỗ Duy Hiếu**

Sinh ngày: 22-02-1985

Nguyên quán: Tiên Hải - Thái Bình

Nghề đào tạo: **TNY Kiểm tra chất lượng đường ô tô**

Từ ngày 15/03 đến ngày 15/04/2005

Đạt trình độ thợ bậc: 3/7


Tốt nghiệp hạng: Trung bình

Theo quyết định số: 776/ĐT

Ngày 10 tháng 06 năm 2005

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2005

Hiệu trưởng



CHU ĐÌNH TỰ

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000583750** /LĐT BXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: **2334**
Ngày **15** tháng **05** năm **2006**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: **CAO ĐĂNG GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Cấp cho: **ĐỖ CHÍ TRUNG**
Sinh ngày: **27.12.1982**
Nguyên quán: **Tiên Hải - Thái Bình**
Nghề đào tạo: **TNV Kiểm tra chất lượng đường ô tô**
Từ ngày **02/10/04** đến ngày **09/05/2006**
Đạt trình độ thợ bậc: **3/7**
Tốt nghiệp hạng: **TB.Khá**
Theo quyết định số: **616/2006/QĐ-ĐT**
Ngày **09** tháng **05** năm **2006**
Hà Nội ngày **15** tháng **05** năm **2006**

Hiệu trưởng



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

PRESIDENT

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS

has conferred

CERTIFICATE

Upon: DO CHI TRUNG
Date of birth: 27/12/1982
Completed training program:
TESTING, INSPECTION OF PAINT, GYPSUM BOARD, WOOD-BASED PANELS AND GEOTEXTILE
Course duration: from 05/04/2025 to 06/04/2025



Reg.No.380/QĐ.109.2025.VLXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

cấp

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

Cho: ĐỖ CHÍ TRUNG
Ngày sinh: 27/12/1982
Đã hoàn thành chương trình đào tạo:
THÍ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH SƠN, THẠCH CAO, VÁN GỖ VÀ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT
Thời gian học: từ 05/04/2025 đến 06/04/2025

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG



Số hiệu: 380/QĐ.109.2025.VLXD
Số vào sổ cấp chứng chỉ: 380.2025



BẢN

SCIENCE TECHNOLOGY CENTER FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION



It is hereby certified that:
Ms: Nguyen Thi Lieu
 Has successfully passed Training Course on
 Testing Methods for Determining
 Physico-Mechanical Properties of concrete and building materials

In June 2011

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày: 14-11-2025

Số: 1222 Quyển số: 4

Ref. N°: 9144/2011/TTKHCN-TN/11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CHỨNG NHẬN

Bà: **Nguyễn Thị Liễu**
 Ngày sinh: 29-09-1988
 Quê quán: Quỳnh Hoa – Quỳnh Phụ – Thái Bình
 Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng

Do Trung tâm Khoa học Công nghệ về Đầu Tư và Xây dựng kết hợp với Phòng thí nghiệm và Nghiên cứu Vật liệu xây dựng Trường Đại học Xây dựng tổ chức
 Thời gian đào tạo: Từ 13/05/2011 đến 13/06/2011
 Kết quả học tập: **Đạt loại Trung Bình**

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2011

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

GIÁM ĐỐC
 GS.TSKH. *Phùng Văn Lưu*

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Số chứng chỉ: 0004/2024/PCCC-HAP
 Họ và tên: **Nguyễn Vũ Hùng**
 Ngày, tháng, năm sinh: **16/02/1967**
 Số CCCD/Hộ chiếu: **031067003600**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ kỹ thuật (thiết bị năng lượng);
 Kỹ sư sửa chữa máy tàu thủy**

Nội dung hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy:

TT	Lĩnh vực hành nghề
01	Chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG


Đại tá Phùng Văn Bình

5.3 Danh sách thiết bị và chứng chỉ thi

STT	Danh mục	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Bộ sàng đá tiêu chuẩn: 75; 60; 50; 40; 30; 25;20;15;10;5;3 đáy Nấp (12 Cái/Bộ)	Ch	12	
2	Sàng thí nghiệm D300, sàng cát Các cỡ: 10-5-2.5-1.25-0.63-0.315-0.14, đáy+nấp (8 cái/bộ)	Ch	8	
3	Bộ sàng thí nghiệm CPĐD Bộ sàng cấp phối: 50;37.5;25;19;9.5;4.75;2.36;0.425;0.075 đáy nấp (10 cái/bộ)	Ch	10	
4	Máy khoan lấy mẫu bê tông Model: HZ-20 Máy khoan rút lõi bê tông chạy xăng THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA MÁY KHOAN RÚT LỖI BÊ TÔNG: Lõi khoan lớn nhất: đường kính 200 mm Độ sâu khoan tối đa: 400, 700 mm Hướng khoan: thẳng xuống Chế độ nguồn cấp dữ liệu: bằng tay và tự động Tốc độ trục chính: 900 ~ 1300 vòng/ phút Điện năng: động cơ xăng Công suất động cơ xăng: 5.5 mã lực Trọng lượng: 160 kg	Cái	1	
5	Lò nung 1200 độ C, Model: SX2-5-12 Xuất xứ: Trung Quốc Hãng Kewei dung tích 7.2 lít Nguồn điện: 220V	Bộ	1	
6	Cân điện tử 5000g/0.01g	Cái	1	
7	Cân điện tử 30kg/0.5g Model: HAW 30A	Cái	1	
8	Thiết bị tổn thất khi nung Bao gồm: Mô tơ tốc độ tiêu chuẩn, giá quay, 09 hộp mẫu tiêu chuẩn chịu nhiệt.	Bộ	1	

STT	Danh mục	DVT	SL	Ghi chú
9	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy của đất Casagrande - Việt Nam Bao gồm: Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.	Bộ	1	
10	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Bao gồm: Tấm kính, bình xít, 6 cốc ẩm, 1 bát trộn, dao trộn, hộp đựng.	Bộ	1	
11	Ống đong thủy tinh 100ml	Cái	3	
12	Ống đong thủy tinh 250ml	Cái	3	
13	Ống đong thủy tinh 500ml	Cái	3	
14	Ống đong thủy tinh 1000ml	Cái	3	
15	Búa cao su	Cái	2	
16	Tỷ trọng kế 151H	Cái	1	
17	Cát tiêu chuẩn	kg	50	
18	Phễu xác định độ xốp cát	Cái	1	
19	Phễu xác định độ xốp đá	Cái	1	
20	Thước kẹp cải tiến	Cái	1	
21	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	Cái	1	
22	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	Cái	1	
23	Thùng đong 1 lít (Hộc đong)	Cái	1	
24	Thùng đong 2 lít (Hộc đong)	Cái	1	
25	Thùng đong 5 lít (Hộc đong)	Cái	1	
26	Thùng đong 10 lít (Hộc đong)	Cái	1	
27	Thùng đong 15 lít (Hộc đong)	Cái	1	
28	Máy thử độ mài mòn Los Angeles, Việt Nam Với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị	Cái	1	
29	số điện tử; kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, 1			

STT	Danh mục	DVT	SL	Ghi chú
	khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút; Điện áp 220VAC/1phase.			
30	Bảng so màu chuẩn	Cái	5	
31	Bộ lắc xác định đương lượng của cát Xuất xứ: Việt Nam Bộ bao gồm: 04 ống trụ mika Dtr=32mm, kèm nút 01 đoạn ống mềm siphon, 03 ống đồng D6mm, 01 quả tải - phao và 02 kẹp tiết lưu Đựng trong Hộp gỗ,	Bộ	1	
32	Bộ chia mẫu cốt liệu 1", kèm 2 khay hứng mẫu	Bộ	1	
33	Bộ chia mẫu cốt liệu 2", kèm 2 khay hứng mẫu	Bộ	1	
34	Bình tỷ trọng xi măng 250ml	cái	2	
35	Tấm cao su D150	cái	2	
36	Tấm caping D150	cái	1	
37	Bộ gá nén xi măng 40x40mm	Bộ	1	
38	Bộ gá uốn vữa 40x40x160mm	Cái		
39	Khuôn đúc mẫu vữa 40x40x160mm - thép	Cái	3	
40	Khuôn lechater - Khuôn thử độ ổn định của xi măng (Khuôn Le chatelier), kích thước 30xH30mm	Cái	6	
41	Thước thép 1000mm	Cái	1	
42	Bộ gá kéo bulong	Bộ	1	
43	Bộ đo E bằng tấm ép cứng Bộ đo E theo tiêu chuẩn mới - TCVN8861 Xuất xứ: Việt Nam Bao gồm: 01 kích 32 tấn (gắn đồng hồ) 01 Tấm đế 330mm	Bộ	1	

STT	Danh mục	DVT	SL	Ghi chú
	Khung đỡ đồng hồ so, 02 gá từ, 02 đồng hồ so 0-10mm 01 Tấm tự lựa			
44	Bộ đo nhám mặt đường bằng pp rắc cát	Cái	1	
45	Bộ dao vòng kiểm tra độ chặt hiện trường - Việt Nam Bao gồm:: búa tiêu chuẩn cân nặng 4,75kg thanh dẫn hướng, mũ chụp, dao đai dung tích 300 – 3 chiếc giao đai dung tích 600 – 3 chiếc	Cái	1	
46	Thước 3 m	Cái	1	
47	máy kiểm tra kéo - nén - uốn đa năng 100kN Model: WDW-100A Hãng sản xuất: Better United Xuất Xứ: Trung Quốc Bảo hành: 12 Tháng Lực kéo tối đa 100kN Tốc độ kéo 0.05mm/phút – 500mm/phút Không gian nén: 650 mm Không gian kéo: 650 mm Chiều rộng 2 cột: 450mm Kích thước máy: 868 * 580 * 1837mm Động cơ: 1.0 kw Trọng lượng: 600kg Nguồn điện: 220V Điều khiển và hiển thị trên máy tính. Phần mềm Trọn bộ sử dụng, bao gồm: - Máy chính - Máy tính - Phần mềm kết nối và hiển thị trên máy tính - Hàm phẳng 0-7mm - Hàm tròn Ø4-9; Ø7-14; Ø14-21	Cái	1	
48	Ngàm kẹp kéo đứt dùng cho vải địa kỹ thuật không dệt,	Cái	1	

STT	Danh mục	DVT	SL	Ghi chú
	bề rộng mẫu 200mm			
49	Ngàm kẹp xác định cường độ kéo giật vải địa kỹ thuật	Cái	1	
50	Bộ gá thí nghiệm xuyên CBR và xuyên thùng thanh cho địa kỹ thuật	Cái	1	
51	Ngàm kẹp chi thí nghiệm kéo đứt vải địa KT cường độ cao	Cái	1	
52	Kính lúp đo vết nứt bê tông	Cái	1	
53	Thước căn lá	Cái	1	
54	Bộ thử thấm gạch	Cái	1	
55	Bộ gá nén gạch xây	Cái	1	
56	Máy mài mòn sâu của gạch - Việt Nam Model: TA-75 Xuất xứ: TATECHCO - Việt Nam Các thông số kỹ thuật chính: 1. Đĩa mài: Máy cung cấp bao gồm 02 loại đĩa mài: + TCVN 6415-6:2016 đĩa mài đường kính 200mm chiều dày đĩa mài 10mm + Theo TCVN 7744:2013 đĩa mài đường kính 200mm chiều dày đĩa mài 70mm 2. Tốc độ đĩa mài 75 vòng/ phút 3. Tốc độ xả của vật liệu nghiền (100+-10)g/100 vòng 4. Nguồn điện 220v	Cái	1	
57	Máy mài mòn bề mặt gạch ceramic Model: LM-8 Xuất xứ: TATECHCO - Việt Nam Số lượng mẫu thử: 08 mẫu đồng thời Kích thước mẫu thử 100x100mm Tốc độ 300-330 vòng/ phút Nguồn điện 220v Cung cấp bao gồm: + 01 máy chính	Cái	1	

STT	Danh mục	DVT	SL	Ghi chú
	+ Bì mài cỡ: 1-2-3-5 (Mỗi loại 01 lọ) + Bột nhôm (01 lọ)			
58	bộ thí nghiệm bentonite 4 chỉ tiêu	Cái	1	
59	bộ thí nghiệm bentonite đo chiều dày áo sét	Cái	1	
60	bộ thí nghiệm bentonite đo lực cắt tĩnh	Cái	1	
61	Máy đo điện trở đất 4105A	Cái	1	
62	Bộ thiết bị thử va đập ống nhựa Bao gồm: - Khung chính - ống dẫn hướng quả nặng thử va đập theo tiêu chuẩn bao gồm quả có các trọng lượng như sau: 0,5; 0,8; 1,0; 1,25; 1,6; 2,0; 2,5; 3,2; 4,0; 5,0; 6,3;	Cái	1	
63	Bơm thử áp lực ống nhựa	Cái	1	
64	Đầu bịt ống mẫu thử D50	Cái	1	
65	Đầu bịt ống mẫu thử D63	Cái	1	
66	Đầu bịt ống mẫu thử D75	Cái	1	
67	Đầu bịt ống mẫu thử D90	Cái	1	
68	Đầu bịt ống mẫu thử D110	Cái	1	
69	Đầu bịt ống mẫu thử D125	Cái	1	
70	Đầu bịt ống mẫu thử D140	Cái	1	
71	Đầu bịt ống mẫu thử 160	Cái	1	
72	Đầu bịt ống mẫu thử D180	Cái	1	
73	Đầu bịt ống mẫu thử D200	Cái	1	
74	Thước panme 0 - 25mm/0.0001	Cái	1	
75	Gá nén marshall	Cái	1	
76	Đồng hồ đo độ cứng Short A	Cái	1	
77	thước kẹp cơ 0 - 200mm/0.02	Cái	1	
78	Cân điện tử OKS-DJ 520g/0.001g	Cái	1	
79	Máy mài mòn LOS	Cái	1	

STT	Danh mục	DVT	SL	Ghi chú
	ANGELES, Trung Anh			
80	Bộ đầm marshall bằng tay	Bộ	1	
81	Máy kiểm tra nhiệt độ bốc cháy của nhựa đường, Model: SYD-3536 Xuất xứ: Trung Quốc (không kèm bình ga và van)	Cái	1	
82	khuôn đúc mẫu 150x150x150mm	Cái	3	
83	khuôn đúc mẫu 150x300mm	Cái	3	
84	khuôn cbr	Bộ	1	
85	nén đập xi lanh D75, D150	Bộ	2	
86	Bộ thí nghiệm đương lượng cát	Bộ	1	
87	côn thủy độ sụt bê tông	Bộ	1	
88	Máy nén tam liên thấp áp WG - 1C, Trung Quốc	Cái	1	
89	thân khuôn marshall	Cái	1	
90	Máy kéo thép WE-1000B	Ch	1	
91	Máy nén bê tông TYE 2000	Ch	1	
92	Cối chày to	Bộ	1	
93	Cối chày nhỏ	Bộ	1	
94	Thiết bị thử thấm cát	Bộ	1	
95	Tủ sấy mẫu	Ch	1	
96	Cần benkerman	Ch	1	
97	Thiết bị giãn dài nhựa	Ch	1	
98	Máy chiết nhựa ly tâm	Ch	1	
99	Máy tính	Cái	2	
100	Máy in	Cái	2	



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificate)**

Số (Số): 25ĐT 3582/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo giãn dài nhựa đường

Kiểu (Type): SY-1.5

Số (Serial Số) / Mã QL(Tag-Số): 853478214

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn TCVN 7496:2005

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ SƠN**

Địa chỉ (Address): Số 66 đường Cao Lỗ, phố Tó, xã Đông Anh, TP. Hà Nội

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 07.19

Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.02 - Thước

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2; P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng



PGĐ: Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Testing Results)

chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 25DT 3582/MB.CN

Khoảng cách giãn Max: 1500 mm

Tốc độ: 49 mm/phút

Kích thước khuôn:

- Chiều dày: 10 mm
- Khoảng cách giữa hai chốt lắp khuôn 112.7 mm
- Khoảng cách giữa hai đỉnh trong 75.6 mm
- Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn 10 mm

Trang: 2/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV, JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (DK 420)**
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 25H 8560/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực – máy cắt đất

Kiểu (Type): EDJ-I Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 062

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ± 1200) N;
Đồng hồ: (0-10)mm; Vạch chia: 0.01mm
Số cung: A1476

Cơ sở sử dụng (Customer):

Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu

Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): DLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.01 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,24\%$ ($k = 2; P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 – 11 – 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV, JSC)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 25H 8560/MB.CN

TT	Lực đo được (N)	Số chỉ trên đồng hồ (vạchx0,01mm)
1	0	0
2	100	20.0
3	300	60.0
4	500	101.7
5	600	122.8
6	700	143.8
7	800	164.0
8	900	186.0
9	1000	208.5
10	1100	230.0
11	1200	252.0

$$F(x) = 4.7623x + 9.9929$$

Với

- F(x): Lực nén
- x: Số chỉ trên đồng hồ (vạch = 0.01mm)

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).

Trang: 2/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (DK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): **25H 8558/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYE – 2000 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 009

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-800) kN: d = 2.5 kN
(0-2000) kN: d = 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu

Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2; P \approx 95\%$)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGD: Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 25H 8558/MB.CN

TT	Giá trị chỉ thị (kN)	Lực đo được (kN)
Thang lực 0 - 800kN		
1.	0	0
2.	100	98.95
3.	200	198.76
4.	300	298.35
5.	400	399.95
6.	500	502.75
7.	700	698.63
Thang lực 0 - 2000kN		
1.	0	0
2.	200	199.89
3.	400	398.47
4.	600	601.35
5.	800	799.15
6.	1000	998.68
7.	1200	1201.35
8.	1400	1401.25
9.	1600	1598.65

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1.0 \%$,
 $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

*(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1.0 \%$,
 $k = 2$, $P \approx 95\%$).*

Trang: 2/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV, JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (DK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8548/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền kéo nén

Kiểu (Type): WE - 1000B Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 60514

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 200) kN, d = 0,5 kN
Phạm vi đo: (0 ÷ 500) kN, d = 1 kN
Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN, d = 2 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu

Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV,JSC)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 25H 8548/MB.CN

Chỉ thị trên máy (kN)	Lực đo được (kN)	Chỉ thị trên máy (kN)	Lực đo được (kN)
Thang đo (0 ÷ 1000) kN d = 2 kN		Thang đo (0 ÷ 500) kN d = 1 kN	
0	0.00	0	0.00
200	199.21	100	100.36
400	399.86	200	200.81
600	601.96	300	299.25
800	802.14	400	399.75
900	898.64	500	499.85
Thang đo (0 ÷ 200) kN d = 0,5 kN			
0	0.00		
40	39.89		
80	79.26		
120	119.75		
140	138.95		
160	158.75		

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).

Trang: 2/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV, JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (DK 420)**
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Tên phương tiện đo (Object): Số (Số): 25H 8563/MB.CN
Máy nén tam liên

Kiểu (Type): WG-1C Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): V-Z-000872409012

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo:
Cung lực (0 ÷ 2400) kN; Tỷ lệ chuyển lực: 1/12.
Cung lực (0 ÷ 2000) kN; Tỷ lệ chuyển lực: 1/10.
Tiết diện dao vòng: 50Cm² và 30Cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu

Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 25H 8563/MB.CN

Cấp tải (Kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn, N		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện dao vòng: 50 cm ² ; Tỷ lệ chuyển lực: 1/10				
0	0	0	0	0
12.5	37.5	37.09	37.98	37.67
25	75	73.57	75.79	75.85
50	150	148.66	104.96	149.45
100	300	299.28	302.88	299.85
200	600	598.62	606.27	601.95
300	900	900.14	901.64	902.01
400	1200	1202.85	1203.12	1200.45
800	2400	2399.13	2405.90	2409.25
Tiết diện dao vòng: 30 cm ² ; Tỷ lệ chuyển lực: 1/12				
0	0	0	0	0
12.5	62.5	62.56	62.15	64.56
25	125	125.15	126.32	127.88
50	250	251.25	252.55	255.69
100	500	502.65	502.59	502.25
200	1000	1002.94	1008.65	1002.19
400	2000	2005.65	2009.12	2002.70

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 0.8$

%, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 0.8\%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).

Trang: 2/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dường – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificare)**

Số (Số): 25ĐT 3578/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo cường độ mặt đường Benkelman
Kiểu (Type): BB95 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 15891
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn AASHTO T256-77
Giá trị độ chia 0.01mm; Tỷ lệ 1:2
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 08.19
Cân Benkelman – Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn lá
Kích thước danh nghĩa từ (0.02 đến 1.00mm)
Được liên kết với Cục tiêu chuẩn – đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026
Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(Chief of Director)



PGĐ: Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NOV.,JSC)



KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Testing Results)

Kính gửi quý khách, giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 25ĐT 3578/MB.CN

Giá trị căn mẫu (mm)	Giá trị theo trên đồng hồ (mm)	Sai số (mm)
1	0.99	-0.01
2	1.98	-0.02
3	2.98	-0.02
4	3.95	-0.05
5	4.96	-0.04
6	5.95	-0.05
8	7.97	-0.03
10	9.97	-0.03

Trang: 2/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV, JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (DK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificate)**

Số (Mã) : 25DT 3579/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object) : Máy đo độ mài mòn của gạch ốp lát ceramic

Kiểu (Type) : LM-8

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 251103

Nơi sản xuất (Manufacturer) : Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Tiêu chuẩn GB/T3810.7-2006

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu**

Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 29.19

Máy mài mòn bề mặt - Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : MB.TB2.08 - Thiết bị đo tốc độ vòng quay; đồ hồ
bấm giây

Kết quả (Results) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 – 11 – 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(Director)



PGD. Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Testing Results)

Giấy chứng nhận kết quả đo số (attached to certificate №) : 25ĐT 3579/MB.CN

TT	Tên chỉ tiêu Tốc độ vòng quay đĩa mài	
	Giá trị danh nghĩa (vòng/phút)	Kết quả Giá trị đo được (vòng/phút)
1	300	300

Trang: 2/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8547/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy kiểm tra kéo nén đa năng
Kiểu (Type): WDW-100A Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 2510269
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 - 100) kN
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$) được liên kết
chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiên Dũng



PGĐ. Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 25H 8547/MB.CN

TT	Giá trị chỉ thị (kN)	Lực đo được (kN)
Thang đo (0÷100kN)		
1	0.0	0.0
2	10.0	10.012
3	20.0	20.045
4	40.0	40.017
5	50.0	50.052
6	60.0	60.013
7	80.0	79.957
8	90.0	90.102

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1 \%$, $k = 2$,
mức tin cậy $P \approx 95\%$.

*(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 1.0 \%$, $k = 2$,
 $P \approx 95\%$).*

Trang: 2/2
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQF.JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificate)**

Số (Số): 25H 8559/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử
Kiểu (Type): OKS-DJ523A Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 20250600017
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max}=520g$
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d=0.001g$
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với
Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

TT	Khối lượng danh định(g)	Chỉ thị thực tế (g)	Sai số (g)
1	0.0	0.00	0.000
2	100.0	100.000	0.000
3	200.0	200.000	0.000
4	300.0	300.000	0.000
5	400.0	400.001	+0.001

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)


Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)


PGĐ. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificate)**

Số (Số): 25H 8561/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Tủ sấy mẫu thí nghiệm
Kiểu (Type): 101-2A Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 32424
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-300) °C
Độ phân giải 1 °C
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19 – tủ nhiệt
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$, được liên kết
chuẩn với Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

Giá trị hiển thị (°C)	100.00	-	150.00	200.00
Giá trị chuẩn(°C)	100.32		150.62	200.15

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ: Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificate)**

Số (Số): 25H 8562/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Bộ đo và điều khiển nhiệt độ lò nung

Kiểu (Type): SX2-4-10 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 26120

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 - 1000) °C
Độ phân giải 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu

Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 03.19: 2019

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II
Độ không đảm bảo đo, U = 0,15°C

Kết quả (Results):

Giá trị hiển thị (°C)	400.00	600.00	800.00
Giá trị chuẩn (°C)	401.52	599.95	798.32

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

Hoàng Tiến Dũng



PGĐ: Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8557/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 2564575
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): $(0 \div 10)$ mm;
d = 0,01 mm
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001
Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so
MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = $(0,1 + 2.L)$ μ m , [L]:m
Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần : ± 6 μ m. Độ hồi sai : ± 5 μ m.
*. Với độ không đảm bảo đo : U = $(5,8 + 4,4.L)$ μ m. L tính bằng m,
k = 2, mức tin cậy $\approx 95\%$.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8552/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Bể ổn nhiệt marshall
Kiểu (Type): CF-B Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 251014
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (0 – 100°C); đồng hồ điện tử
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$) được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Giá trị cài đặt (°C)	Giá trị chuẩn (°C)	Giá trị hiển thị (°C)	Số hiệu chỉnh (°C)
60,0	60,0	59,95	+0,05

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGĐ: Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8553/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 15161
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): $(0 \div 10)$ mm;
 $d = 0,01$ mm
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001
Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so
MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; $U = (0,1 + 2.L) \mu\text{m}$, [L]:m
Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần : $\pm 9 \mu\text{m}$. Độ hồi sai : $\pm 3 \mu\text{m}$.
*. Với độ không đảm bảo đo : $U = (5,8 + 4,4.L) \mu\text{m}$. L tính bằng m,
 $k = 2$, mức tin cậy $\approx 95\%$.
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



Trang: 1/1
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8554/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 220006
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): $(0 \div 10)$ mm;
d = 0,01 mm
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001
Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so
MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = $(0,1 + 2.L)$ μ m , [L]:m
Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần : ± 5 μ m. Độ hồi sai : ± 3 μ m.
*. Với độ không đảm bảo đo : U = $(5,8 + 4,4.L)$ μ m. L tính bằng m,
k = 2, mức tin cậy $\approx 95\%$.
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiên Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 25H 8555/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 2235160
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ± 10) mm;
 $d = 0,01$ mm
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): DLVN 75:2001
Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so
MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; $U = (0,1 + 2.L) \mu\text{m}$, [L]:m
Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần ; $\pm 4 \mu\text{m}$. Độ hồi sai : $\pm 3 \mu\text{m}$.
*. Với độ không đảm bảo đo : $U = (5,8 + 4,4.L) \mu\text{m}$. L tính bằng m,
 $k = 2$, mức tin cậy $\approx 95\%$.
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8556/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 15154
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm;
d = 0,01 mm
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001
Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so
MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L) μm , [L]:m
Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần : ± 9 μm. Độ hồi sai : ± 5 μm.
*. Với độ không đảm bảo đo : U = (5,8 + 4,4.L) μm. L tính bằng m,
k = 2, mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026
Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8550/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử
Kiểu (Type): HW-B5000 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 2024865
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max}=5000g$
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d=0,01g$
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiền Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với
Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

TT	Khối lượng danh định(g)	Chỉ thị thực tế (g)	Sai số (g)
1	0	0	0,00
2	100,00	100,00	0,00
3	500,00	500,00	0,00
4	2 000,00	2 000,00	0,00
5	4 000,00	4 000,00	0,00

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)


Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)


PGD. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificate)**

Số (Số): 25DT 3581/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường

Kiểu (Type): DF-12 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 220709

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Theo AASHTO T49, ASTM D5

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ SƠN**

Địa chỉ (Address): Số 66 đường Cao Lỗ, phố Tô, xã Đông Anh, TP. Hà Nội

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M - 05.19

Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường - Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.02 - Thước; Cân kỹ thuật

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(Director)



PGD: Cao Văn Hùng

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificare)**

Tên phương tiện đo (Object): Số (Số): 25ĐT 3580/MB.CN
Máy thử mài mòn Los Angeles
Kiểu (Type): TA-12 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 25013
Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7572:2006
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-09.19
Máy mài mòn Los – Angeles – Phương pháp đo

Kết quả (Results):

TT	Thông số	Giá trị đo được
1	Tốc độ quay (vòng/phút)	32 ÷ 33
2	Đường kính bi (mm)	48 ÷ 49
3	Trọng lượng bi (g)	433÷441
4	Đường kính trong thùng chứa mẫu (mm)	711 ± 5
5	Chiều dài trong thùng chứa mẫu (mm)	508 ± 5

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): (24 ± 2)⁰C

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

05 – 11 – 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng



PGD: Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (DK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificate)**

Số (Số): 25ĐT 3576/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị hóa mềm nhựa
Kiểu (Type): DF-6 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 240607
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi điều nhiệt: (0 - 125) °C
Độ phân giải: 1 °C
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 06.19
Thiết bị hóa mềm nhựa – Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II; cân phân tích; thước cặp
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$, được liên kết chuẩn với Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng
Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ đo tại: $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$.
*. Sai số nhiệt độ: 2%
*. Hai viên bi có đường kính: $D = 9,5 \pm 0,05 \text{ mm}$
*. Trọng lượng viên bi: $M = 3,5 \pm 0,05 \text{ g}$
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)



Hoàng Tiến Dũng

PGD. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (DK 420)**
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**
(Measurement & Testing Certificate)

Số (Số): 25ĐT 3577/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị bốc cháy nhựa đường

Kiểu (Type): SYD-3536 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 318

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Theo AASHTO T49, ASTM D5

Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu

Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trình Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-25.19 -

TB bốc cháy nhựa - Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn

Đồng hồ bấm giây, thước cặp

Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động bình thường, phù hợp tiêu chuẩn Theo AASHTO T49,
ASTM D5

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiên Dũng

TM GIÁM ĐỐC



PGD. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(# of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 8549/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử
Kiểu (Type): GS-HAW 15 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 2025523827
Nơi sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max} = 15\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d = 0.1\text{g}$
Cơ sở sử dụng (Customer): Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Tiên Châu
Địa chỉ (Address): Nhà ông Dương, thôn Trinh Trung Đông, xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với
Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Sai số (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	5000.0	5000.0	0.0
3	10000.0	10000.0	0.0
4	15000.0	15000.0	0.0

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 11 - 2026

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng

Trang: 1/1
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV., JSC)

- Hình ảnh thiết bị, dụng cụ thí nghiệm



Máy kéo vụn nặng



Con lắc Anh



Máy kéo vụn nặng 1000KN



Máy nén 2000KN



Máy nén Mashall /CBR - Máy nén 300KN - Máy thử thấm bê tông





Bộ thiết bị thí nghiệm Bitum – Bê tông nhựa



Tủ đường mẫu xi măng



Máy trộn vữa – xi măng

Máy thí nghiệm nước

Tủ dụng cụ TB thí nghiệm



